

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát tình hình thực hiện chế độ, chính sách vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Hà Nội

Thực hiện chương trình công tác năm 2018, từ ngày 23/01 đến ngày 26/01/2018, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố tổ chức khảo sát tình hình thực hiện chế độ, chính sách vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố. Đoàn đã tổ chức khảo sát tại xã Ba Vì, huyện Ba Vì, làm việc với Ban Dân tộc Thành phố, khảo sát qua báo cáo của các đơn vị. Ban Văn hoá - Xã hội HĐND Thành phố tổng hợp báo cáo kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác triển khai, thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn Thành phố

Thành phố Hà Nội hiện có trên 92.000 người dân tộc thiểu số, với 50 thành phần dân tộc cư trú trên địa bàn 30/30 quận, huyện, thị xã, trong đó chủ yếu là dân tộc Mường, Tày, Dao và một số dân tộc thiểu số khác, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn cư trú tập trung theo cộng đồng thôn, xã tại 153 thôn, thuộc 14 xã của 5 huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ và Mỹ Đức, chiếm 57,4% người dân tộc thiểu số trong toàn Thành phố.

Triển khai các chính sách của Trung ương về phát triển kinh tế - xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số¹, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 15/7/2016 về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn (2016 - 2020), với 13 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, 07 lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng gồm 227 công trình, dự án². HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 06/12/2016 về Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn (2016 - 2020), theo đó phê duyệt kinh phí đầu tư cho các dự án theo Kế hoạch số 138/KH-UBND là 1.000 tỷ đồng với tổng số 69 dự án: Lĩnh vực y tế (01 dự án) 7 tỷ đồng; lĩnh vực giao thông 40 dự án 716,8 tỷ đồng; lĩnh vực trường học (19 dự án) 173 tỷ đồng; lĩnh vực thủy lợi 09 dự án 103,2 tỷ đồng.

Tính đến 31/12/2017, Thành phố đã bố trí 750 tỷ đồng cho các huyện Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Chương Mỹ để thực hiện các chương trình, dự án

¹ Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg ngày 18/3/2011. Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 07/10/2013 về Chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Chính phủ "Về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn"; Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ về "Chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương công tác ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn"; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/06/2006 của Chính phủ về Chính sách giáo dục; Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30/7/2009 về Chính sách đối với cán bộ, viên chức Y tế; Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013, Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng chính phủ về Chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất; Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ về Chính sách thương mại trợ giá, trợ cước các mặt hàng thiết yếu...

² Các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng với tổng số 227 công trình dự án, trong đó lĩnh vực: y tế: 8, văn hóa: 14, trường học: 35, nước sinh hoạt: 04, thủy lợi: 56, giao thông: 104, lĩnh vực khác: 04 và 02 lĩnh vực đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất trực tiếp cho các đối tượng theo chính sách dân tộc tại Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

thuộc Kế hoạch số 138/KH-UBND của UBND Thành phố, đến nay các huyện đã triển khai thực hiện các chương trình, dự án theo kế hoạch đề ra. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn như: Văn hóa - xã hội, y tế, giáo dục, hạ tầng cơ sở, phát triển thương mại; chính sách về đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ trực tiếp cho người thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn, chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất, chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số...luôn được Thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện, cơ bản kịp thời, đầy đủ theo quy định.

Công tác thông tin, truyền thông về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật nhà nước, chế độ chính sách đồng bào dân tộc thiểu số được duy trì qua hệ thống thông tin, truyền thanh cơ sở; thực hiện đảm bảo việc trang cấp miễn phí một số loại báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn³; Thành phố tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, trang bị máy tính và đường truyền Internet đến các điểm bưu điện văn hóa xã, nhà văn hóa xã, đến nay 100% thôn có đường dây điện thoại, Internet đến thôn; 100% xã có điểm bưu điện văn hóa xã.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai đạt kết quả tích cực. Công tác gìn giữ, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc được chú trọng, tích cực vận động đồng bào xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, ngăn chặn, phòng ngừa tệ nạn xã hội, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh. Năm 2017, huyện Mỹ Đức thực hiện Đề án khôi phục, bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số với số kinh phí là 300.000.000 đồng. UBND Thành phố đã chỉ đạo các quận nội thành ủng hộ, hỗ trợ đầu tư xây dựng các nhà văn hóa tại các xã dân tộc thuộc huyện Ba Vì, Chương Mỹ, Quốc Oai...đến nay đã được bàn giao và đưa vào sử dụng.

Thành phố tiếp tục quan tâm thực hiện chế độ, chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số⁴ như: thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng là người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số dịp tết cổ truyền hàng năm và khi ốm đau..., tổ chức thăm quan học tập kinh nghiệm tại một số tỉnh, thành phố trong nước; tổ chức Hội nghị tuyên dương người có uy tín, trưởng thôn, người dân tộc thiểu số Thủ đô có thành tích xuất sắc năm 2017. Thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: khẩu nghèo thuộc nhóm I (xã khu vực II) từ 80.000 đồng lên 150.000 đồng/khẩu/năm; nhóm II (xã khu vực III) từ 100.000 đồng lên 200.000 đồng/khẩu/năm được chi trả đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng. Việc triển khai các chương trình y tế trọng điểm vùng dân tộc miền núi đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc khám, chữa bệnh phục vụ nhân dân trên địa bàn, số lượt nhân dân được khám bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế ngày càng tăng; 100% trạm y tế xã có bác sỹ và đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng được yêu cầu chuyên môn ở tuyến cơ sở, 100% hộ nghèo được cấp thẻ bảo hiểm khám chữa bệnh miễn phí,

³ Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp một số ấn phẩm báo, tạp chí cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2, Quyết định số 2472/QĐ-TTg ngày 28/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

⁴ Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 56/2013/QĐ-TTg ngày 7/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 18/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Thông tư liên tịch số 01/2014/TTLT-UBND-BTC ngày 10/01/2014 của Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

ngoài chính sách chung của Nhà nước⁵, Thành phố hỗ trợ 40.000 đồng/người/tháng đối với cán bộ y tế công tác tại các xã, thôn vùng dân tộc miền núi. Chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn⁶, Thành phố đã đầu tư, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị trong trường học các cấp, quan tâm hỗ trợ đối với học sinh và đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số và giáo viên công tác ở các thôn, xã đặc biệt khó khăn.

UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 02/04/2014, chỉ đạo ngân hàng Chính sách Xã hội Thành phố phối hợp với các địa phương triển khai thực hiện chính sách vay vốn tín dụng đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số như: Vay vốn giải quyết việc làm; hỗ trợ học sinh, sinh viên; nước sạch vệ sinh môi trường; sản xuất kinh doanh; hỗ trợ về nhà ở; cho vay Bò sinh sản... Các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hưởng lương công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; chính sách về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, đất sản xuất, đời sống khó khăn tiếp tục được triển khai thực hiện đảm bảo yêu cầu theo các quyết định của Chính phủ.

2. Công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực công tác dân tộc theo quy định của pháp luật

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật, Ban Dân tộc Thành phố, các huyện có vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đã quan tâm trong việc kiểm tra, đôn đốc, phổ biến, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trực thuộc chấp hành các quy định pháp luật, nhất là trong quá trình triển khai xây dựng chương trình kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án, các chính sách của Trung ương, Thành phố về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế, giáo dục đào tạo,... triển khai cho vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn. Đã tổ chức thanh tra, khảo sát việc thực hiện một số chính sách dân tộc và hiệu quả chương trình, dự án đầu tư tại vùng dân tộc miền núi như: chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn; thực hiện các quy định về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn huyện Mỹ Đức và Ba Vì. Qua công tác thanh tra, kiểm tra làm rõ những ưu điểm và khắc phục những tồn tại, hạn chế trong việc thực hiện các chính sách, hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của nhà nước, các nguồn lực huy động đầu tư nhằm phát huy hiệu quả thực hiện chính sách dân tộc trong thời gian tới.

⁵ Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30/7/2009 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thông tư liên tịch số 06/2010/TTLT-BYT-BNV-BTC ngày 22/3/2010 của Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30/7/2009 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, viên chức y tế công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

⁶ Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006; Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Thông tư liên tịch số 35/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 19/9/2013 của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 19/2013/NĐ-CP ngày 23/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

II. HẠN CHẾ, TỒN TẠI, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, tồn tại, khó khăn

1.1. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chất lượng sản phẩm chưa cao, tiêu thụ sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp; nhu cầu đầu tư vào các lĩnh vực thuộc các xã vùng dân tộc miền núi rất lớn nhưng việc bố trí nguồn lực còn hạn chế.

1.2. Việc đầu tư thực hiện các chương trình, dự án còn dàn trải, công tác triển khai thi công kéo dài, nhất là các dự án về giao thông, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội và môi trường vùng dân tộc miền núi.

1.3. Việc xã hội hóa huy động nguồn lực địa phương, các doanh nghiệp, cộng đồng tham gia vào các chương trình, chính sách còn nhiều bất cập, hạn chế. Một số chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi chưa rõ ràng.

1.4. Chưa có giải pháp phù hợp để giải quyết việc làm bền vững cho người lao động ở các xã dân tộc, hiện nay còn nhiều lao động không có việc làm thường xuyên hoặc thiếu việc làm; Nhận thức của một số bộ phận cán bộ và người dân về mục tiêu thực hiện các chương trình, dự án còn hạn chế. Một số nơi, người dân chưa hiểu được đầy đủ về các chính sách, chưa cố gắng vươn lên thoát nghèo, vẫn còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

1.5. Hệ thống thiết chế văn hóa chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ sinh hoạt văn hóa cộng đồng cho đồng bào. Bản sắc văn hóa của các dân tộc có nơi đang bị mai một mất dần tiếng nói, chữ viết, trang phục và các lễ hội truyền thống.

1.6. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch còn thấp, chủ yếu là dùng nước khai thác từ giếng khoan, nước mưa và nước chảy từ các khe suối.

1.7. Việc tổ chức cơ cấu lại bộ máy cán bộ làm công tác dân tộc cấp huyện phần nào ảnh hưởng đến công tác tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

1.8. Năm bắt các dữ liệu về công tác dân tộc từ cấp huyện đến cấp xã còn khó khăn. Công tác thông tin, báo cáo chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, tham mưu và công tác chỉ đạo điều hành.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Điều kiện kinh tế - xã hội vùng dân tộc miền núi còn nhiều hạn chế, các xã dân tộc miền núi địa bàn rộng, xa trung tâm đi lại khó khăn; kinh tế phát triển chậm; các cơ sở y tế, giáo dục, các công trình phúc lợi công cộng chưa đồng bộ, hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất chưa đảm bảo, đất sản xuất còn thiếu.

- Cán bộ làm công tác dân tộc còn kiêm nhiệm, chưa được đào tạo bài bản; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị với các xã vùng dân tộc miền núi trong việc thực hiện chính sách dân tộc còn hạn chế.

- Do tác động của suy thoái kinh tế dẫn đến nguồn lực dự kiến bố trí đầu tư các chương trình, dự án cơ sở hạ tầng vùng dân tộc thiểu số gặp khó khăn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác quản lý điều hành thực hiện các chính sách của các cấp trong phân công quản lý còn chồng chéo, nhiều đầu mối, công tác phối hợp chưa đồng bộ, xuyên suốt dẫn đến việc triển khai thực hiện một số chính sách còn chậm, nguồn lực đầu tư chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Việc đề nghị quy mô đầu tư ở một số địa phương chưa sát với thực tế, làm giảm hiệu quả đầu tư và gây lãng phí đến nguồn kinh phí chung của Thành phố.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc từ Thành phố đến cơ sở còn hạn chế về kinh nghiệm công tác dân tộc, từ đó ảnh hưởng đến chất lượng tham mưu và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc.

- Còn một số bộ phận người dân chưa tự giác, tích cực phấn đấu vươn lên thoát nghèo, còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng.

- Công tác kiểm tra giám sát thực hiện chính sách vùng dân tộc miền núi, nhất là cơ sở chưa đồng bộ, chưa duy trì thường xuyên.

III. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Đối với Chính phủ

1.1. Cần quy định rõ việc tham mưu ban hành chính sách dân tộc do Ủy ban Dân tộc chủ trì phối hợp với các ngành liên quan thực hiện.

1.2. Nghiên cứu bãi bỏ một số chính sách không còn phù hợp như: Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn; Nghị định số 20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo và vùng đông bào dân tộc; Nghị định số 02/2002/NĐ-CP ngày 03/01/2002 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/1998/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với Ủy ban Dân tộc

Tiếp tục chỉ đạo rà soát hệ thống các chính sách dân tộc, kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp. Đề xuất Trung ương phân cấp cụ thể hơn cho các tỉnh, thành (nhất là các tỉnh, thành tự cân đối được ngân sách) trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc phù hợp với đặc điểm, tình hình vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn đồng thời đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả của các chính sách dân tộc.

3. Đối với UBND Thành phố

3.1. Tiếp tục rà soát về cơ chế và nguồn vốn thực hiện các chính sách, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào dân tộc thiểu số như: Các dự án phát triển kinh tế - xã hội; dự án nâng cấp hạ tầng nông thôn, cải tạo cứng hóa kênh mương; dự án bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số; dự án hỗ trợ người nghèo; đẩy mạnh giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho đồng bào dân tộc.

3.2. Tiếp tục chỉ đạo sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng lồng ghép Đề án Xây dựng mô hình phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đồng bào dân tộc Dao tại xã Ba Vì, huyện Ba Vì giai đoạn (2015-2020) và những năm tiếp theo (tại Quyết định số 5532/QĐ-UBND ngày 21/10/2015) với Kế hoạch hỗ trợ

đầu tư phát triển sản xuất cho các đối tượng theo chính sách dân tộc tại các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn (2017-2020), trong đó có cơ chế ưu tiên đồng bào dân tộc Dao, xã Ba Vì.

3.3. Chỉ đạo các sở, ngành liên quan phối hợp chặt chẽ với Ban Dân tộc Thành phố hướng dẫn, đôn đốc và tăng cường giám sát thực hiện chính sách dân tộc; có phương án nâng cao hiệu quả việc dạy nghề, giải quyết việc làm, nhất là số lao động trẻ của xã Ba Vì cũng như lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn (2016-2020), định hướng đến năm 2030;

3.4. Chỉ đạo các quận nội thành, các đơn vị có nguồn lực về kinh tế tiếp tục hỗ trợ xây dựng các thiết chế văn hóa, nhà văn hóa thôn cho các xã thuộc huyện vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

3.5. Chỉ đạo các đơn vị có liên quan khi phê duyệt quy mô đầu tư các dự án ở một số địa phương thuộc các xã dân tộc và miền núi phải đảm bảo yêu cầu và quy mô sát với thực tế, tăng hiệu quả đầu tư và tránh lãng phí.

3.6. Xem xét giao Ban Dân tộc Thành phố khảo sát, nắm bắt tình hình của người nước ngoài đang đăng ký tạm trú tại Hà Nội và đề xuất phương án quản lý; Nghiên cứu có chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế cho người dân vùng DTTS miền núi có thu nhập dưới 35 triệu/người/năm.

3.7. Quan tâm xem xét chính sách đặc thù đối với đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc các cấp trên địa bàn Thành phố; tạo điều kiện về cơ chế và nguồn vốn thực hiện đề án xây dựng cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc trên địa bàn Thành phố.

3.8. Quan tâm việc quy hoạch, tập trung xử lý rác thải tại vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND TP (để b/c);
- UBND TP (để b/c);
- Đ/c PCT Phùng Thị Hồng Hà (để b/c);
- Các sở: GDĐT, TC, KH&ĐT, NV, CT YT, CATP, XD, NN&PTNT, VH TT, KH&CN, DL, TTTT, Ban Dân tộc TP;
- HĐND, UBND các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức;
- Lưu: VT, Ban VH XH;

TM. BAN VĂN HÓA – XÃ HỘI
TRƯỞNG BAN



Trần Thế Cường